

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 12 - 5 -2022.

V/v ly hôn giữa chị M và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Chi

Ông Nguyễn Tùng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yên Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Hồng M, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà 14, đường H, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lý Đạt T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số nhà 14, đường H, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08 tháng 10 năm 2021 chị Đoàn Thị Hồng M (nguyên đơn) trình bày: Chị và anh Lý Đạt T sau thời gian tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 11 năm 2012, Chị cùng anh T chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên chị M yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh T. Chị và anh T chung sống với nhau có 02 người con chung tên Lý Vạn T, sinh ngày

25 tháng 11 năm 2013 và Lý Vạn P, sinh ngày 20/4/2016. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi hai người con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 19/01/2022 anh T trình bày: Anh và chị M tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, năm 2012 đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh phát hiện trong điện thoại của chị M có tin nhắn quan tâm chị trên mức tình bạn, từ đó anh đã ghen và có đánh chị M. Năm 2021 anh và chị M xảy ra xô sát xuất phát từ việc nuôi dạy con. Nay tình cảm đã mâu thuẫn trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn với chị M. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh T phủ nhận nhận tất cả lời trình bày tại phiên tòa giải, không thừa nhận có đánh chị M và không đồng ý việc ly hôn.

Về con chung anh công nhận chị M trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh yêu cầu được nuôi cháu T khi ly hôn, để cháu P cho chị M nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau.

Về tài sản chung, anh yêu cầu chị M trả lại phần tài sản có trước hôn nhân, còn phần tài sản chung yêu cầu chia theo pháp luật; về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị Hồng M và anh Lý Đạt T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên chị M có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh T, anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M là đúng quy định.

[2] Về chứng cứ: Theo chứng cứ do đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ khẳng định chị M và anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 11 năm 2012. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc chị M và anh T sống ly thân, qua hòa giải xét thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên việc chị M yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M và anh T sống với nhau có 02 người con chung tên Lý Vạn T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2013 và Lý Vạn P, sinh ngày 20/4/2016, khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi 02 người con chung; tại biên bản hòa giải anh T yêu cầu được nuôi cháu T, yêu cầu chị M nuôi cháu P và tại biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2022, khi được hỏi về nguyện vọng, cháu T trả lời “muốn sống với cha” khi cha, mẹ ly hôn.

Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu T là do anh T nuôi dưỡng, cháu P là do chị M nuôi dưỡng. Nhằm tạo sự ổn định cho các cháu và cũng theo nguyện vọng của cháu T, xét yêu cầu của anh T về việc nuôi cháu T, để chị M nuôi cháu P là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị M khai tự thỏa thuận; đối với anh T tại phiên hòa giải ngày 19/01/2022 anh T khai và có yêu cầu về tài sản. Sau đó Tòa án đã ban hành thông báo yêu cầu anh làm thủ tục bổ sung để giải quyết vấn đề về tài sản, cũng tại phiên hòa giải anh có cam kết, thế nhưng đã quá thời hạn theo thông báo mà anh T không bổ sung thủ tục theo quy định, nên Tòa án đã ban hành Thông báo số: 326/TB-TA ngày 12/4/2022 trả lại đơn yêu cầu của anh và anh cũng không khiếu nại Thông báo nêu trên, tại phiên tòa hôm nay anh T cũng không có ý kiến gì về việc trả lại đơn yêu cầu. Vì vậy, hôm nay không xét yêu cầu của anh T, anh có quyền khởi kiện vụ kiện khác về việc chia tài sản chung nếu có yêu cầu.

[6] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, chị M là nguyên đơn, nên chị phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị Hồng M ly hôn với anh Lý Đạt T.
2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Lý Vạn T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2013 cho anh Lý Đạt T nuôi dưỡng; giao cháu Lý Vạn P, sinh ngày 20/4/2016 cho chị Đoàn Thị Hồng M nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh T và chị M, nhưng nếu anh T hoặc chị M lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T hoặc chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh T hoặc chị M.

3. Về cấp dưỡng: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Đoàn Thị Hồng M nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0000877 ngày 09/12/2021, chị M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND Phường M, TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng